

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM THAO  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST  
Ngày 28 tháng 4 năm 2021  
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Liên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hùng

Bà Chu Thị Thúy Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLST-DS ngày 23/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1964 và bà Lê Thị B, sinh năm 1965. (bà B ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 28/10/2020;)

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu 9, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Tại phiên tòa ông T có mặt, chị H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết là người cùng địa phương với chị Nguyễn Thị H, nên ngày 12/12/2019 vợ chồng ông có cho chị H vay tổng số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận, lãi suất theo thỏa thuận, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Thời hạn vay là 03 tháng (từ 12/12/2019 đến 12/03/2020). Chị H hẹn sẽ thanh toán cho ông T, bà B khoản tiền trên vào ngày 12/03/2020. Nhưng từ đó cho đến nay chị H chưa thanh toán cho ông T, bà B được khoản tiền gốc và lãi nào.

Đến hạn trả nợ ông T, bà B đã đòi chị H nhiều lần nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ đúng như đã cam kết.

Nay ông T, bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu chị H phải thanh toán cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra phía ông T khẳng định việc vay nợ trên do chị H thực hiện một mình, chị H đến hỏi vay tiền, nhận tiền và ký vào giấy biên nhận tiền, anh Trần Thế A (là chồng chị H) đi làm ăn xa trong miền Nam không biết việc vay nợ nói trên. Do vậy, anh A không liên quan gì đến khoản vay này nên trong đơn khởi kiện ông T, bà B chỉ khởi kiện chị H và yêu cầu một mình chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T, bà B khoản nợ đó.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020 phía bị đơn - chị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết là người cùng địa phương, nên ngày 12/12/2019 chị đã vay vợ chồng ông Trần Văn T và bà Lê Thị B tổng số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay và lãi suất vay đúng như ông T trình bày là đúng. Sau khi vay chị đã thanh toán cho vợ chồng ông bà T, B số tiền là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Số tiền trên chị thanh toán làm 02 lần cụ thể: Lần 1: chị thanh toán cho ông bà là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Lần 2: Chị thanh toán cho ông bà là 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng). Cả hai lần thanh toán này chị không viết giấy trả tiền và cũng không nhớ ngày, tháng. Từ đó cho đến nay, do hoàn cảnh khó khăn nên chị chưa thực hiện nốt nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà B đúng như cam kết trước đó.

Nay vợ chồng ông T, bà B khởi kiện yêu cầu chị phải thanh toán cho ông bà tổng số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) thì chị không nhất trí, bởi lẽ chị cho rằng chị đã thanh toán cho ông bà tổng số tiền là 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng). Chị chỉ nhất trí trả cho ông bà số tiền còn nợ lại là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Và do hoàn cảnh còn nhiều khó khăn nên chị xin được trả dần và có nguyện vọng là ông bà miễn cho khoản tiền lãi.

Ngoài ra chị H còn khẳng định việc vay nợ trên là do một mình chị thực hiện, chị vay tiền anh A (chồng chị) không nắm được, không liên quan gì đến anh A. Do vậy chị sẽ có trách nhiệm một mình thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông bà T, B.

Do bận công việc nên chị xin được vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T. Buộc chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị B số tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Do ông T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 12.500.000 đ (Mười hai triệu năm trăm ) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị B số tiền là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Văn T và bà Lê Thị B (Bà B ủy quyền cho ông T) khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền đã vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 9, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn có nguyện vọng xin được vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt chị H, biên bản không tiến hành hòa giải được theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa ngày 15/4/2021, chị H được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, do vậy Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền lợi cho chị H. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên căn cứ vào khoản điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Ngày 12/12/2019, ông Trần Văn T và bà Lê Thị B có cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là có thật được thể hiện trong giấy vay tiền giữa ông bà T, B với chị H và đã được các bên đương sự thống nhất thừa nhận. Do vậy, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên kể từ ngày hợp đồng vay tài sản được xác lập.

Kể từ khi cho vay đến nay vợ chồng ông bà T, B đã đòi chị H nhiều lần nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết. Nên bà B đã ủy quyền cho ông T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị H phải thanh toán cho ông bà khoản tiền gốc chị H đã vay là phù hợp cần chấp nhận. Còn đối với yêu cầu của chị H cho rằng, chị đã thanh toán cho ông bà T, B tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và đã tổng đạt hợp lệ cho chị H, nhưng hết thời hạn yêu cầu chị H cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh chị đã thanh toán cho ông bà T, B tổng số tiền là 80.000.000 đồng (Tám

mười triệu đồng). Mặt khác chị H cũng thừa nhận khi trả tiền cho ông T, bà B không có giấy tờ gì. Nên yêu cầu của chị H là không có căn cứ, không được chấp nhận. Do vậy cần buộc chị Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà B tổng số tiền gốc là 250.000.000 đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Do ông T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị B số tiền là 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 357, của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và bà Lê Thị B. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Trần Văn T, bà Lê Thị B số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn T và bà Lê Thị B số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0001288 ngày 18/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Kim Liên**